

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	4 - 5
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	6 - 30

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.701.925.353.100	1.798.800.936.095
110	I. Tiền	4	19.166.930.802	16.501.252.371
111	1. Tiền		19.166.930.802	16.501.252.371
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.481.384.581.508	1.575.366.082.643
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	1.584.424.655.566	1.785.151.113.652
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	214.356.451.212	92.465.316.504
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	26.777.283.341	26.243.283.449
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(344.173.808.611)	(328.493.630.962)
140	III. Hàng tồn kho	7	198.017.507.887	203.247.868.178
141	1. Hàng tồn kho		227.079.806.753	232.310.167.044
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(29.062.298.866)	(29.062.298.866)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		3.356.332.903	3.685.732.903
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	323.773.678	746.425.193
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	3.032.559.225	2.939.307.710
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.528.558.903.535	1.497.364.091.710
210	I. Phải thu dài hạn		75.000.000	75.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		75.000.000	75.000.000
220	II. Tài sản cố định		886.275.987.416	913.546.508.244
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	885.321.237.416	912.591.758.244
222	Nguyên giá		1.243.258.980.555	1.240.037.592.832
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(357.937.743.139)	(327.445.834.588)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	954.750.000	954.750.000
228	Nguyên giá		2.227.478.775	2.227.478.775
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.272.728.775)	(1.272.728.775)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		471.859.069.832	430.464.081.557
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	471.859.069.832	430.464.081.557
260	IV. Tài sản dài hạn khác		170.348.846.287	153.278.501.909
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	143.898.519.006	134.572.593.731
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		26.450.327.281	18.705.908.178
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.230.484.256.635	3.296.165.027.805

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.453.782.320.854	2.456.857.743.220
310	I. Nợ ngắn hạn		1.923.295.190.673	1.943.311.703.910
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	232.033.747.796	344.328.420.088
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		26.316.895.765	13.678.909.360
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	15.001.631.998	10.077.466.574
314	4. Phải trả người lao động		163.803.930	310.474.412
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	11.085.779.776	7.230.605.995
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	25.166.705.619	34.615.900.400
320	7. Vay ngắn hạn	16	1.596.983.446.358	1.516.526.747.650
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	16.543.179.431	16.543.179.431
330	II. Nợ dài hạn		530.487.130.181	513.546.039.310
338	1. Vay dài hạn	16	528.854.127.413	511.875.599.042
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		1.633.002.768	1.670.440.268
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		776.701.935.781	839.307.284.585
410	I. Vốn chủ sở hữu	17.1	776.701.935.781	839.307.284.585
411	1. Vốn cổ phần		1.045.319.350.000	1.045.319.350.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.045.319.350.000	1.045.319.350.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		23.753.867.656	23.753.867.656
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(292.371.281.875)	(229.765.933.071)
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(229.765.933.071)	145.925.233.699
421b	- (Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		(62.605.348.804)	(375.691.166.770)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.220.484.256.635	3.296.165.027.805





Nguyễn Ngọc Thẩm
Người lập

Nguyễn Công Bằng
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Hiền
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 1 năm 2018

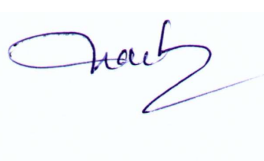
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	18.1	799.594.437.882	1.109.031.659.705
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(32.109.154.366)	(20.414.185.781)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng		767.485.283.516	1.088.617.473.924
11	4. Giá vốn hàng bán	19	(755.212.443.804)	(1.012.175.324.364)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		12.272.839.712	76.442.149.560
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	81.942.342	316.555.202
22	7. Chi phí tài chính	20	(35.289.104.518)	(39.789.081.554)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(35.238.951.350)	(39.000.974.546)
25	8. Chi phí bán hàng	21	(17.097.071.205)	(13.284.197.489)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(24.805.199.901)	(10.331.009.474)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(64.836.593.570)	13.354.416.245
31	11. Thu nhập khác	23	350.996	779.896.601
32	12. Chi phí khác	23	(556.906.485)	(46.861.503)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác	23	(556.555.489)	733.035.098
50	14. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(65.393.149.059)	14.087.451.343
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		(4.956.618.848)	(4.609.386.598)
52	16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		7.744.419.103	2.569.865.716
60	17. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(62.605.348.804)	12.047.930.461
70	18. (Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.5	(599)	112
71	19. (Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu	17.5	(599)	112



Nguyễn Ngọc Thẩm
Người lập



Nguyễn Công Bằng
Kế toán trưởng





Nguyễn Quang Hiền
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 2 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

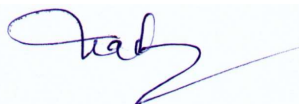
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng (lỗ) lợi nhuận trước thuế		(65.393.149.059)	14.087.451.343
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9	30.491.908.551	15.006.566.902
03	Dự phòng		15.642.740.149	831.234.544
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(34.170.590)	(67.658.323)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		-	-
06	Chi phí lãi vay		35.238.951.350	39.000.974.546
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		15.946.280.401	68.858.569.012
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		78.208.071.971	(281.022.056.718)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		5.230.360.291	472.548.207.894
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		(101.308.545.825)	(23.454.121.078)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(8.903.273.760)	(17.953.799.150)
14	Tiền lãi vay đã trả		(39.186.710.046)	(37.080.167.145)
15	Thuế TNDN đã nộp		-	(6.723.916.168)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(3.350.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(50.013.816.968)	175.169.366.647
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(44.616.375.998)	(246.101.759.468)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		-	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		-	-
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(44.616.375.998)	(246.101.759.468)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		1.017.648.208.135	633.529.289.966
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(920.352.313.056)	(605.626.599.898)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng) từ hoạt động tài chính		97.295.895.079	27.902.690.068

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		2.665.702.113	(43.029.702.753)
60	Tiền đầu kỳ		16.501.252.371	104.799.463.386
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(23.682)	169.675
70	Tiền cuối kỳ		19.166.930.802	61.769.930.308









Nguyễn Ngọc Thắm
Người lập

Nguyễn Công Bằng
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Hiền
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 2 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1400437290 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 21 tháng 11 năm 2002, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty trước đây được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 143/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 9 tháng 7 năm 2010. Tuy nhiên, các cổ đông của Công ty đã thông qua phương án hủy niêm yết cổ phiếu của Công ty theo Nghị quyết số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 tổ chức vào ngày 7 tháng 8 năm 2015. Theo đó, cổ phiếu của Công ty chính thức được hủy niêm yết vào ngày 15 tháng 12 năm 2015 theo Quyết định số 506/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 16 tháng 11 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, gia công chế biến thức ăn thủy sản, gia súc và gia cầm; bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho thủy sản, gia súc và gia cầm; và nuôi trồng thủy sản.

Công ty có trụ sở chính tại Lô II-1, II-2, II-3 Khu C Mở rộng, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam và chi nhánh tại Lô A&B, Khu Công nghiệp Sông Hậu, Xã Tân Thành, Huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 594 (ngày 30 tháng 9 năm 2017: 658).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 4 công ty con như sau:

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Ngành nghề kinh doanh</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
(1) Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng Long An	Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Sản xuất, gia công chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi lợn; bán buôn động vật sống; mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Đang hoạt động	100
(2) Công ty TNHH Giống – Chăn nuôi Việt Thắng An Giang	Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Chăn nuôi lợn; bán buôn động vật sống; mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Đang hoạt động	100
(3) Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng Bình Định	Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định	Sản xuất, gia công chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi lợn; bán buôn động vật sống; mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Đang hoạt động	100
(4) Công ty TNHH Giống – Chăn nuôi Việt Thắng Bình Định	Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định	Chăn nuôi lợn; bán buôn động vật sống; mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Đang hoạt động	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 *Tài sản cố định* (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được trích hao mòn khi quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng là vô thời hạn.

3.5 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 20 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Bản quyền phần mềm	5 năm
Gia súc	4 năm

3.6 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.7 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp HIDICO vào ngày 22 tháng 11 năm 2006 trong thời hạn 45 năm, Công ty Cổ phần Docimexco vào ngày 1 tháng 12 năm 2014 trong thời hạn 40 năm, Công ty Cổ phần Thanh Yển vào ngày 31 tháng 8 năm 2015 trong thời hạn 42 năm và Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Nhơn Hòa vào ngày 14 tháng 12 năm 2015 trong thời hạn 44 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.8 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.11 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- ▶ Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

- ▶ Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.13 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.14 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	3.817.563.407	453.952.131
Tiền gửi ngân hàng	15.349.367.395	16.047.300.240
TỔNG CỘNG	19.166.930.802	16.501.252.371

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải thu từ bên khác	1.374.299.935.226	1.387.732.516.482
Trong đó:		
Ông Lâm Thái Hoàng	191.246.227.062	191.129.303.974
Ông Phan Thanh Trí	134.096.419.191	177.160.636.530
Khách hàng khác	1.048.957.288.973	1.019.442.575.978
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 24)	210.124.720.340	397.418.597.170
TỔNG CỘNG	1.584.424.655.566	1.785.151.113.652
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(344.173.808.611)	(328.493.630.962)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.240.250.846.955	1.456.657.482.690

Như được trình bày tại Thuyết minh số 16, Nhóm Công ty đã thế chấp một phần khoản phải thu để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Số đầu kỳ	328.493.630.962	14.282.422.254
Dự phòng trích lập trong kỳ	15.680.177.649	831.234.544
Số cuối kỳ	344.173.808.611	15.113.656.798

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Trả trước cho người bán khác	99.738.879.412	92.465.316.504
Trong đó:		
Công ty TNHH Thương mại An Tâm	34.134.746.871	34.134.746.871
Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Tạ Trương tại An Giang	8.000.000.000	8.000.000.000
Skiold A/S	8.324.682.258	7.781.749.578
Cty TNHH CK XD TM Tân Hoàng Tuấn	3.771.529.000	6.554.020.000
Lương Thị Bé	4.200.715.750	4.200.715.750
Phan Thị Kim Hên	3.100.000.000	3.100.000.000
Công ty TNHH Điện Tự Động Thuận Nhật	1.793.983.879	1.363.783.879
Công ty TNHH Một thành viên Nam Sơn Bình Định	16.073.005.000	-
Khác	20.340.216.654	27.330.300.426
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 24)	114.617.571.800	-
TỔNG CỘNG	214.356.451.212	92.465.316.504

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tạm ứng cho nhân viên	10.090.117.160	10.018.381.160
Khác	16.687.166.181	16.224.902.289
TỔNG CỘNG	26.777.283.341	26.243.283.449

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

7. HÀNG TỒN KHO

		VND
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Nguyên vật liệu	97.617.820.231	123.172.111.399
Thành phẩm	39.380.375.972	52.746.898.851
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	50.333.143.890	50.979.040.573
Hàng đang đi trên đường	39.748.466.660	5.726.530.299
TỔNG CỘNG	227.079.806.753	232.310.167.044

Như được trình bày tại Thuyết minh số 16, Nhóm Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

		VND
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngắn hạn	323.773.678	746.425.193
Công cụ, dụng cụ	59.286.670	162.598.634
Khác	264.487.008	583.826.559
Dài hạn	143.898.519.006	134.572.593.731
Tiền thuê đất trả trước (*)	133.217.529.888	132.712.276.016
Công cụ, dụng cụ	1.465.929.933	1.807.924.348
Khác	9.215.059.185	52.393.367
TỔNG CỘNG	144.222.292.684	135.319.018.924

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND					
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Gia súc</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:						
Số đầu kỳ	396.078.087.063	697.105.507.932	56.686.369.593	56.686.369.593	86.174.097.409	1.240.037.592.832
Mua mới	-	-	-	-	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	1.300.211.000	1.539.505.000			381.671.723	3.221.387.723
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>397.378.298.063</u>	<u>698.645.012.932</u>	<u>56.686.369.593</u>	<u>3.993.530.835</u>	<u>86.555.769.132</u>	<u>1.243.258.980.555</u>
Trong đó:						
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>9.337.811.878</i>	<i>60.521.495.531</i>	<i>8.775.845.522</i>	<i>2.141.582.406</i>	<i>-</i>	<i>80.776.735.337</i>
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu kỳ	65.011.163.634	210.914.282.930	26.338.303.757	3.203.309.185	21.978.775.082	327.445.834.588
Khấu hao trong kỳ	6.351.311.142	17.192.470.530	1.348.391.622	53.107.469	5.546.627.788	30.491.908.551
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>71.362.474.776</u>	<u>228.106.753.460</u>	<u>27.686.695.379</u>	<u>3.256.416.654</u>	<u>27.525.402.870</u>	<u>357.937.743.139</u>
Giá trị còn lại:						
Số đầu kỳ	<u>331.066.923.429</u>	<u>486.191.225.002</u>	<u>30.348.065.836</u>	<u>790.221.650</u>	<u>64.195.322.327</u>	<u>912.591.758.244</u>
Số cuối kỳ	<u>326.015.823.287</u>	<u>470.538.259.472</u>	<u>28.999.674.214</u>	<u>737.114.181</u>	<u>59.030.366.262</u>	<u>885.321.237.416</u>

Nhóm Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn (*Thuyết minh số 16*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND			
	Quyền sử dụng đất	Bản quyền phần mềm	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu kỳ	954.750.000	926.532.000	346.196.775	2.227.478.775
Mua mới	-	-	-	-
Số cuối kỳ	954.750.000	926.532.000	346.196.775	2.227.478.775
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	926.532.000	346.196.775	1.272.728.775
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	-	926.532.000	346.196.775	1.272.728.775
Giá trị còn lại:				
Số đầu kỳ	954.750.000	-	-	954.750.000
Số cuối kỳ	954.750.000	-	-	954.750.000

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Xây dựng nhà xưởng	456.747.056.395	418.558.333.407
Trại heo	15.112.013.437	11.905.748.150
TỔNG CỘNG	471.859.069.832	430.464.081.557

Trong kỳ, Nhóm Công ty đã phát sinh chi phí lãi vay được vốn hóa là 0 VND (cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017: 16.086.411.876 VND).

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải trả cho bên khác	210.088.832.490	213.147.918.900
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nông Sản Việt</i>	17.634.041.650	28.781.699.175
<i>Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dịch vụ</i>		
<i>Thương mại Cowin</i>	-	7.247.357.800
<i>Công ty TNHH Trại Việt</i>	8.843.994.160	7.676.573.953
<i>Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại</i>		
<i>Toàn Thắng Plastics</i>	6.772.440.868	11.603.677.933
<i>Khác</i>	176.838.355.812	157.838.610.039
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 24)	21.944.915.306	131.180.501.188
TỔNG CỘNG	232.033.747.796	344.328.420.088

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế TNDN	9.003.811.157	4.956.618.848	-	13.960.430.005
Thuế thu nhập cá nhân	836.966.556	1.676.751.644	(1.482.670.298)	1.031.047.902
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	(2.939.307.710)	16.632.642	(16.632.642)	(2.939.307.710)
Thuế giá trị gia tăng	6.501.909	15.373.636	(17.481.454)	4.394.091
Thuế nhập khẩu	224.618.952	568.530.515	(886.400.982)	(93.251.515)
Khác	5.568.000	17.472.000	(17.280.000)	5.760.000
TỔNG CỘNG	7.138.158.864	7.251.379.285	(2.420.465.376)	11.969.072.773

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí lãi vay	9.982.564.009	6.249.999.510
Khác	1.103.215.767	980.606.485
TỔNG CỘNG	11.085.779.776	7.230.605.995

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí ước tính tài sản	15.839.176.870	29.790.232.665
Các khoản bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế phải trả	376.646.547	1.050.289.484
Cổ tức phải trả	56.999.050	56.999.050
Tiền mượn phải trả (*)	5.490.000.000	-
Khác	3.403.883.152	3.718.379.201
TỔNG CỘNG	25.166.705.619	34.615.900.400

Trong đó:

Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 24)	5.490.000.000	302.292.000
Phải trả bên khác	19.676.705.619	34.313.608.400

(*) Đây là khoản mượn tín chấp, phí lãi suất và thanh toán theo yêu cầu của bên cho mượn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

16. VAY

		VND
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngắn hạn	1.596.983.446.358	1.516.526.747.650
Vay ngắn hạn từ ngân hàng		
(Thuyết minh số 16.1)	1.348.790.423.358	1.238.473.056.650
Vay dài hạn đến hạn trả		
(Thuyết minh số 16.2 và 16.3)	248.193.023.000	278.053.691.000
Dài hạn	528.854.127.413	511.875.599.042
Vay dài hạn từ ngân hàng		
(Thuyết minh số 16.2)	528.854.127.413	511.875.599.042
Trái phiếu phát hành		
(Thuyết minh số 16.3)	-	-
TỔNG CỘNG	2.125.837.573.771	2.028.402.346.692

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

		VND
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn
Số đầu kỳ	1.516.526.747.650	511.875.599.042
Tiền thu từ đi vay	994.669.679.764	22.978.528.371
Tiền chi trả nợ gốc vay	(914.352.313.056)	(6.000.000.000)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	139.332.000	-
Số cuối kỳ	1.596.983.446.358	528.854.127.413

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

16. VAY (tiếp theo)

16.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	<u>1.348.790.423.358</u>	Từ ngày 3 tháng 1 năm 2018 đến ngày 12 tháng 7 năm 2018	Từ 6,50 đến 7,50	Các công trình, hạng mục phụ trợ xây dựng và dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất hình thành trong tương lai từ dự án đầu tư mở rộng nhà máy Việt Thắng tại Lai Vung trị giá 376.625.000.000 VND. Nhà cửa, vật kiến trúc và quyền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp Long Hậu, Khu Công nghiệp Sa Đéc và Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp

Các khoản vay này được sử dụng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu nguồn vốn lưu động của Nhóm Công ty.

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

16. VAY (tiếp theo)

16.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được trình bày như sau:

<i>Hợp đồng tín dụng số</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>	<i>Mục đích</i>
02/2015/546088/HĐTD	255.872.468.889	Trả hàng quý, từ ngày 15 tháng 3 năm 2018 đến ngày 15 tháng 9 năm 2020	9,40	Các công trình, hạng mục phụ trợ xây dựng và dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất hình thành trong tương lai từ dự án đầu tư mở rộng nhà máy Việt Thắng tại Lai Vung có giá trị 376.625.000.000 VND	Đầu tư mở rộng nhà máy tại Lai Vung
01/2016/8627361/HĐTD	124.820.688.291	Trả hàng quý, từ ngày 22 tháng 02 năm 2018 đến ngày 22 tháng 8 năm 2021	10,90	Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai từ dự án đầu tư trại giống công nghệ cao Việt Thắng An Giang có giá trị 231.000.000.000 VND	Đầu tư dự án trại heo giống công nghệ cao
01/2016/8192235/HĐTD	257.160.970.233	Trả hàng quý, từ ngày 28 tháng 3 năm 2018 đến ngày 28 tháng 12 năm 2023	10,90	Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai từ dự án đầu tư nhà máy thức ăn chăn nuôi Việt Thắng Long An có giá trị 724.000.000.000 VND	Đầu tư nhà máy thức ăn chăn nuôi
TỔNG CỘNG	637.854.127.413				
<i>Trong đó:</i>					
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	109.000.000.000				
<i>Vay dài hạn</i>	528.854.127.413				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

16. VAY (tiếp theo)

16.3 Trái phiếu phát hành

Chi tiết trái phiếu vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày như sau:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Ngày phát hành</i>	<i>Giá trị</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ hạn</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh An Giang	Ngày 18 tháng 12 năm 2015	140.000.000.000	5 năm
Chi phí phát hành trái phiếu		(806.977.000)	
TỔNG CỘNG		139.193.023.000	
<i>Trong đó:</i>			
Vay dài hạn đến hạn trả		139.193.023.000	
Vay dài hạn		-	

Vào ngày 18 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 200 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh An Giang (“VIB”) đặt mua theo Hợp đồng Mua bán Trái phiếu Số 0039/HDMBTP/2015/VIB-VTF (“Hợp đồng”).

Trái phiếu này được hoàn trả sau năm (5) năm kể từ ngày phát hành, trả lãi sáu (6) tháng một lần, với lãi suất 7,5%/năm cho hai (2) kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng bình quân lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Hội sở/ Sở Giao dịch của VIB, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam cộng với biên độ 2,5%/năm.

Nhóm Công ty cam kết mua lại trái phiếu như sau:

- Vào ngày tròn mười hai (12) tháng kể từ ngày phát hành: cam kết mua lại tối thiểu 20% số trái phiếu người sở hữu tài sản đang nắm giữ;
- Vào ngày tròn hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành: cam kết mua lại tối thiểu 20% số trái phiếu người sở hữu tài sản đang nắm giữ;
- Vào ngày tròn ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày phát hành: cam kết mua lại tối thiểu 20% số trái phiếu người sở hữu tài sản đang nắm giữ; và
- Vào ngày tròn bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành: cam kết mua lại tối thiểu 20% số trái phiếu người sở hữu tài sản đang nắm giữ.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung vốn lưu động và cơ cấu lại các khoản nợ của Nhóm Công ty.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình, nhà xưởng, máy móc, thiết bị của Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng Long An; quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác hình thành từ các chương trình đầu tư được tài trợ bởi tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu. Ngoài ra, toàn bộ nghĩa vụ thanh toán liên quan đến trái phiếu được bảo lãnh bởi Ông Dương Ngọc Minh, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, theo các điều khoản và điều kiện của Thư bảo lãnh ngày 16 tháng 12 năm 2015.

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu

					VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016					
Số đầu kỳ	1.045.319.350.000	-	-	173.242.181.504	1.218.561.531.504
Lợi nhuận thuần trong kỳ				12.047.930.461	12.047.930.461
Số cuối kỳ	<u>1.045.319.350.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>185.290.111.965</u>	<u>1.230.609.461.965</u>
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017					
Số đầu kỳ	1.045.319.350.000	-	23.753.867.656	(229.765.933.071)	839.307.284.585
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(62.605.348.804)	(62.605.348.804)
Số cuối kỳ	<u>1.045.319.350.000</u>	<u>-</u>	<u>23.753.867.656</u>	<u>(292.371.281.875)</u>	<u>776.701.935.781</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Vốn cổ phần VND	% sở hữu	Vốn cổ phần VND	% sở hữu
Công ty Cổ phần Hùng Vương	944.788.020.000	90,38	944.788.020.000	90,38
Các cổ đông khác	100.531.330.000	9,62	100.531.330.000	9,62
TỔNG CỘNG	1.045.319.350.000	100,00	1.045.319.350.000	100,00

17.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Cổ phiếu được phép phát hành	104.531.935	104.531.935
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	104.531.935	104.531.935
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	104.531.935	104.531.935
Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND (ngày 30 tháng 9 năm 2017: 10.000 VND).		

17.5 Lãi trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Lỗ) lợi nhuận thuần trong năm (VND)	(62.605.348.804)	12.047.930.461
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	361.437.914
(Lỗ) lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	(62.605.348.804)	11.686.492.547
Số lượng cổ phiếu bình quân (*)	104.531.935	104.531.935
(Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(599)	112
(Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(599)	112

Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng

	VND	
	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tổng doanh thu	799.594.437.882	1.109.031.659.705
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thành phẩm - Thức ăn thủy sản	689.490.297.488	1.016.372.914.722
Doanh thu thành phẩm - Thức ăn gia súc	93.729.602.429	87.589.130.073
Doanh thu bán heo	15.970.565.601	3.979.994.000
Doanh thu bán nguyên liệu	250.236.000	750.000.000
Doanh thu bán phế liệu	153.736.364	339.620.910
Các khoản giảm trừ doanh thu	(32.109.154.366)	(20.414.185.781)
Chiết khấu thương mại	(32.109.154.366)	(20.407.226.081)
Hàng bán bị trả lại	-	(6.959.700)
DOANH THU THUẦN	767.485.283.516	1.088.617.473.924
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thành phẩm - Thức ăn thủy sản	668.198.460.711	1.001.155.262.682
Doanh thu thành phẩm - Thức ăn gia súc	82.912.284.840	82.392.596.332
Doanh thu bán heo	15.970.565.601	3.979.994.000
Doanh thu bán nguyên liệu	250.236.000	750.000.000
Doanh thu bán phế liệu	153.736.364	339.620.910

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	35.600.518	185.416.576
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	34.170.590	67.658.323
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	12.171.234	63.480.303
TỔNG CỘNG	81.942.342	316.555.202

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giá vốn thức ăn thủy sản	638.287.928.267	927.186.687.945
Giá vốn thức ăn gia súc	83.075.156.024	80.026.449.926
Giá vốn nguyên liệu	243.479.231	707.503.350
Giá vốn heo	33.605.880.282	4.254.683.143
TỔNG CỘNG	755.212.443.804	1.012.175.324.364

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	35.238.951.350	39.175.141.346
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	50.153.168	613.940.208
TỔNG CỘNG	35.289.104.518	39.789.081.554

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí nhân công	10.290.222.778	7.873.560.660
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.220.579.697	2.198.912.558
Chi phí vật liệu bán hàng	535.189.121	867.141.268
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	155.782.451	166.192.827
Chi phí khác	1.895.297.158	2.178.390.176
TỔNG CỘNG	17.097.071.205	13.284.197.489

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí lập dự phòng các khoản phải thu	15.680.177.649	831.234.544
Chi phí nhân công	5.541.499.611	4.912.629.283
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.202.268.249	1.787.190.384
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	969.687.261	848.876.988
Chi phí vật liệu quản lý	32.050.393	53.622.373
Chi phí khác	1.379.516.738	1.897.455.902
TỔNG CỘNG	24.805.199.901	10.331.009.474

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

23. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Thu nhập khác	350.996	779.896.601
Thu nhập khác	350.996	779.896.601
Chi phí khác	556.906.485	46.861.503
Chi phí khác	556.906.485	46.861.503
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC	(556.555.489)	733.035.098

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

24. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu	100.027.283.600	-
		Bán thức ăn thủy sản	16.908.570.000	59.883.399.800
		Cho mượn tiền	-	44.000.000.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản An Giang	Bên liên quan	Bán thức ăn thủy sản	11.737.840.000	106.211.169.120
Công ty Cổ phần Hùng Vương Sông Đốc	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	55.571.792.237	-
		Bán thức ăn thủy sản	5.221.108.000	-
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền Tây	Bên liên quan	Bán thức ăn thủy sản	10.853.760.000	59.675.571.200
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Vĩnh Long	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu	-	750.000.000
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Bên liên quan	Chi phí gia công	440.610.000	1.234.338.000
		Bán nguyên vật liệu	250.236.000	-
		Bán công cụ, dụng cụ	-	776.200.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Phúc Lâm	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	-	2.440.852.650

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

24. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>	<i>VND</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>					
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang	Bên liên quan	Bán thức ăn thủy sản	135.333.229.450	300.142.280.570	
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Bán thức ăn thủy sản	63.672.491.650	87.823.070.800	
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu	3.864.164.800	5.813.928.800	
		Cung cấp dịch vụ	853.820.000	853.820.000	
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Vĩnh Long	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu	1.179.906.440	2.785.497.000	
Công ty Cổ phần Hùng Vương Sông Đốc	Bên liên quan	Bán thức ăn thủy sản	5.221.108.000	-	
TỔNG CỘNG			210.124.720.340	397.418.597.170	
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>					
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Mua nguyên liệu	114.617.571.800	-	

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

24. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>VND Số đầu kỳ</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu		113.503.167.400
Công ty Cổ phần Hùng Vương Sông Đốc	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	20.610.497.306	13.943.597.228
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Bên liên quan	Chi phí gia công	1.334.418.000	2.128.146.000
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Vĩnh Long	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	-	1.605.590.560
TỔNG CỘNG			21.944.915.306	131.180.501.188
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền Tây	Bên liên quan	Bán thức ăn thủy sản	22.085.964.500	6.719.724.500
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Hùng Vương Sông Đốc	Bên liên quan	Mượn tiền	4.900.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang	Bên liên quan	Mượn tiền	590.000.000	-
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Khác	-	302.292.000
TỔNG CỘNG			5.490.000.000	302.292.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

25. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Nguyễn Ngọc Thắm
Người lập

Nguyễn Công Bằng
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Hiền
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 2 năm 2018